

CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN 911

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2023/CBTT-911

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2023

## CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam  
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn 911

- Mã chứng khoán/Mã thành viên: NO1

- Địa chỉ: Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đổng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội

- Điện thoại liên hệ: 0246.686.0911

Fax:

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngày 12/12/2023, Công ty Cổ phần Tập đoàn 911 công bố Quyết định của Hội đồng quản trị về việc Ban hành quy chế công bố thông tin của Công ty.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/12/2023 tại đường dẫn <https://911group.com.vn/> mục Công bố thông tin.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Quyết định 03/2023-HĐQT  
911 về việc ban hành quy chế  
công bố thông tin;

- Quy chế công bố thông tin của  
Công ty Cổ phần Tập đoàn 911.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



*Lưu Đình Tuấn*  
CHỦ TỊCH HĐQT

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN 911**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2023/QĐ-HĐQT-911

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

*V/v Ban hành quy chế công bố thông tin Công ty*

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN 911**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ nghị định 155/2020/NĐ-CP về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán được Chính phủ thông qua ngày 31/12/2020;
- Căn cứ thông tư 96/2020/TT-BTC về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được Bộ tài chính thông qua ngày 16/11/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn 911;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 12/12/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn 911.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này là “Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Tập đoàn 911” Gồm 05 chương, 18 Điều và các phụ lục kèm theo;

**Điều 2:** Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3:** Các Ông (bà) Thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Các phòng ban Công ty và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**LƯU ĐÌNH TUẤN**

## Mục Lục

CHƯƠNG I. VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN.....	3
CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Mục đích .....	3
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	3
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	4
Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin.....	5
Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin.....	5
Điều 6. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin.....	6
Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin.....	6
CHƯƠNG III. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	6
Điều 8. Công bố thông tin định kỳ.....	6
Điều 9. Công bố thông tin bất thường.....	8
Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu.....	12
Điều 11. Công bố thông tin về các hoạt động khác.....	12
Điều 12. Công bố thông tin của các đối tượng khác.....	13
Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai.....	14
Điều 14. Công bố thông tin theo nhu cầu của công ty.....	15
CHƯƠNG IV. QUY TRÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	15
Điều 15. Quy trình công bố thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan có thẩm quyền.....	15
CHƯƠNG V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	17
Điều 16. Trách nhiệm của Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin.....	17
Điều 17. Trách nhiệm của Đơn vị/phòng/ban/cá nhân có liên quan.....	18
Điều 18. Điều khoản thi hành.....	18
PHỤ LỤC 01. DANH MỤC BIỂU MẪU CHUNG.....	19
(THEO THÔNG TƯ 96/2020/TT-BTC, ĐƯỢC SỬ DỤNG CHO CBTT TẠI UBCKNN VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN).....	19



*Quy chế công bố thông tin*

**PHỤ LỤC 2. DANH MỤC MẪU BIỂU CÔNG BỐ THÔNG TIN TẠI SỞ GIAO DỊCH  
CHỨNG KHOÁN TP. HCM..... 20**

*(Ban hành theo quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016 của Sở Giao dịch chứng  
khoán TP. Hồ Chí Minh) ..... 20*

**Danh mục từ viết tắt**

- CBTT : Công bố thông tin  
UBCKNN : Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
SGDCK : Sở giao dịch chứng khoán  
TCLKVBTCKVN : Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

20,  
NG  
PH  
ĐOÀ  
PH C

## **CHƯƠNG I. VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN**

1. Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
2. Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
4. Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường Chứng khoán Việt Nam;
5. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
6. Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
7. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
8. Các văn bản pháp luật khác có liên quan và các quy chế công bố thông tin được ban hành bởi Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

## **CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Mục đích**

Quy chế công bố thông tin (sau đây gọi tắt là “Quy chế”) được Công ty Cổ phần Tập đoàn 911 (sau đây được gọi tắt là công ty) ban hành, nhằm đáp ứng các quy định của pháp luật, chuẩn mực công bố thông tin cũng như nhu cầu tìm hiểu, cập nhật thông tin về hoạt động của Công ty và các bên liên quan.

Quy chế sử dụng nội dung cách thức, trình tự thực hiện xong rồi công bố các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty đối với cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền.

### **Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty, đồng thời quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các đơn vị/phòng/ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng liên quan khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin nhằm đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, minh bạch của các thông tin được công bố.

## **Quy chế công bố thông tin**

2. Đối tượng áp dụng
  - a. Bộ phận công bố thông tin;
  - b. Người thực hiện công bố thông tin;
  - c. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
  - d. Trưởng các đơn vị/phòng/ban có liên quan;
  - e. Cổ đông;
  - f. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
  - g. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Người nội bộ của Công ty bao gồm:
  - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị;
  - b. Trưởng Ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm toán nội bộ;
  - c. Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc hoặc các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức năng quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại điều lệ Công ty;
  - d. Giám đốc tài chính, kế toán trưởng;
  - e. Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin;
  - f. Thư ký công ty, người phụ trách quản trị Công ty.
2. Người có liên quan của người nội bộ là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
  - a. Công ty và người nội bộ của Công ty;
  - b. Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết;
  - c. Tổ chức, cá nhân mà trong mỗi quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi các tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
  - d. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
  - e. Quan hệ hợp đồng mà trong đó có một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
  - f. Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
3. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:
  - a. Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
  - b. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;

## **Quy chế công bố thông tin**

- c. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành Cổ đông lớn của Công ty;
- d. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.

### **Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Bộ phận công bố thông tin, người thực hiện công bố thông tin tổ chức, thực hiện công bố thông tin đầy đủ, minh bạch, chính xác, kịp thời, theo quy định của pháp luật liên quan.
2. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân (như Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ) thông tin được công bố nếu cá nhân đồng ý. Nếu cá nhân không đồng ý công khai các thông tin này phải gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó gồm 01 bản đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công bố thông tin.
3. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải được công bố thông tin kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với những thông tin đã được công bố trước đó.
4. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho một tổ chức hoặc cá nhân khác tự thực hiện.
5. Thông tin được công bố bằng tiếng Việt, khuyến khích công bố thông tin song ngữ tiếng Việt và ngôn ngữ Nước ngoài.
6. Các thông tin được công bố được lưu giữ, bảo quản tại Công ty dưới dạng văn bản (nếu có) và giữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm đối với thông tin công bố định kỳ, tối thiểu 05 năm với các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác; thông tin này phải được lưu giữ và truy cập trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.
7. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin sẽ vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

### **Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin**

1. Người thực hiện công bố thông tin là 01 người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan.
2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, tính chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh thông tin phải công bố mà cả người đại diện pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều

## **Quy chế công bố thông tin**

vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

3. Công ty phải đăng ký, đăng ký lại Người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước (sau đây gọi tắt là UBCKNN) và Sở giao dịch chứng khoán (sau đây gọi tắt là Sở GDCK) tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

### **Điều 6. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin**

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:
  - a. Trang thông tin điện tử (website) và các kênh truyền thông nội bộ khác (nếu có) của Công ty;
  - b. Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
  - c. Hệ thống công bố thông tin của Sở GDCK;
  - d. Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
  - e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác (báo in, báo điện tử....)
2. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, hệ thống công bố thông tin của Sở GDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN và Sở GDCK.

### **Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin**

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn,...) và phải báo cáo UBCKNN, Sở GDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngày sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty phải công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa/tạm hoãn công bố theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG III. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 8. Công bố thông tin định kỳ**

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Báo cáo tài chính (“BCTC”) bao gồm: BCTC Công ty mẹ và BCTC hợp nhất</b>		
1.1	BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không được vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
1.2	BCTC bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm	



**Quy chế công bố thông tin**

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
		toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	
1.3	BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có)	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.	Trường hợp đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của BCTC quý thì không phải công bố BCTC quý
<b>2</b>	<b>Báo cáo thường niên (“BCTN”)</b>		
	BCTN theo mẫu quy định tại phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BCTC	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.
<b>3</b>	<b>Báo cáo tình hình quản trị công ty</b>		
3.1	Báo cáo tình hình quản trị Công ty bán niên theo mẫu quy định tại phụ lục V ban hành theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch.	
3.2	Báo cáo tình hình quản trị Công ty theo mẫu quy định tại phụ lục V ban hành theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.	
<b>4</b>	<b>Họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)</b>		
4.1	Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường.	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.	Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ

105  
CỘ  
CỘ  
PH  
PH

**Quy chế công bố thông tin**

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
			đồng bao gồm: Thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có)
4.3	Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành	

**Điều 9. Công bố thông tin bất thường**

Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện dưới đây, Công ty phải thực hiện công bố thông tin bất thường và nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

STT	Nội dung công bố	Ghi chú
1	Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp nêu trên.	
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định tạm dừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình	

**Quy chế công bố thông tin**

STT	Nội dung công bố	Ghi chú
	chỉ, thu hồi Giấy phép đăng ký thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.	
4	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông quá của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	
4	Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.	
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách gộp cổ phiếu.	
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung và dài hạn và kế hoạch hằng năm của Công ty	
7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế hoạch áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp đã kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay	

138  
 TY  
 AN  
 N 9  
 J H A

**Quy chế công bố thông tin**

STT	Nội dung công bố	Ghi chú
	đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng đã quý.	
8	Quyết định tham gia góp phần thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	
9	Quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ nếu có hoặc người có liên quan của Công ty đại chúng.	
10	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết.	
11	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty)	Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GD&ĐT bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành theo Thông tư số 96/2020/TT-BCTC.
12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc căn cứ vào báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét.	Trường hợp Công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất.
13	Khi nhận được quyết định khởi tố của Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty.	
14	Khi nhận được bản án, quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty.	
15	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	
16	Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin có ảnh hưởng đến giá chứng khoán của Chính công ty,	



**Quy chế công bố thông tin**

STT	Nội dung công bố	Ghi chú
	Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.	
17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.	
18	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở GD&ĐT nước ngoài.	
19	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến để dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp được thực hiện quyền khác của cổ đông hiện hữu, thông tin công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
20	Thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính.	Áp dụng trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố.
21	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.
22	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	
23	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo	



## Quy chế công bố thông tin

STT	Nội dung công bố	Ghi chú
	cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp Công ty đại chúng là Công ty mẹ)	
24	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	

### Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu

Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, Sở GDCK nơi Công ty, đăng ký giao dịch khi xảy ra sự kiện, Công ty phải thực hiện công bố thông tin.

STT	Nội dung công bố	Ghi chú
1	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, Sở GDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có)
2	Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng đến giá trị chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó	

### Điều 11. Công bố thông tin về các hoạt động khác

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.	
2	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài.	Theo quy định của pháp luật chứng khoán được hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty mình và các hình thức thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này.
3	Giao dịch mua lại cổ phiếu của Công ty mình, bán cổ phiếu quỹ.	Thực hiện theo quy định của pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu

**Quy chế công bố thông tin**

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
			tổng tài sản giảm hơn 10% Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

**Điều 12. Công bố thông tin của các đối tượng khác**

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.</b>		
1.1	Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.	Công ty cần CBTT trên website chính thức của Công ty.
1.2	Cổ đông lớn khi có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi.	Công ty cần CBTT trên website chính thức của Công ty.
<b>2</b>	<b>Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ</b>		
2.1	Người nội bộ và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây được gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, Sở GDCK (đối với cổ phiếu niêm yết), công ty đại chúng sau khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc.	

**Quy chế công bố thông tin**

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
	mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua trái phiếu, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở GDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán với các trường hợp khác).		
2.2	Người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời phải trình nguyên nhân không thực hiện giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.	

**Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai**

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Thông tin về việc nhận được đề nghị chào mua công khai.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.	Công bố trên website của Công ty.
2	Đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai của Hội đồng quản trị. Trường hợp một hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị có ý kiến khác, Hội đồng quản trị phải công bố kèm theo ý kiến này.	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.	Công bố trên website của Công ty.





## Quy chế công bố thông tin

### Điều 14. Công bố thông tin theo nhu cầu của công ty

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Chiến lược/định hướng/kế hoạch kinh doanh và các chương trình/chính sách có ảnh hưởng đến lợi ích của các bên liên quan.	Định kỳ hoặc bất thường tùy thuộc vào các nhu cầu cung cấp thông tin của Công ty với các bên liên quan.	Công bố trên website/các phương tiện truyền thông nội bộ của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng.
2	Thông tin về các dự án/hợp đồng/khách hàng, đối tác/quan điểm về vấn đề liên quan đến thị trường, ngành, cổ phiếu, cổ đông, nhà đầu tư.	Định kỳ hoặc bất thường tùy thuộc vào các nhu cầu cung cấp thông tin của Công ty với các bên liên quan.	Công bố trên website/các phương tiện truyền thông nội bộ của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng.

## CHƯƠNG IV. QUY TRÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

### Điều 15. Quy trình công bố thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan có thẩm quyền

#### 1. Hình thức thực hiện

Công ty có thể thực hiện việc công bố thông tin qua các hình thức sau:

- a. Trao đổi email do Công ty cung cấp;
- b. Trao đổi trực tiếp thông qua các buổi họp, gặp mặt;
- c. Qua điện thoại;
- d. Bằng văn bản.

#### 2. Phương thức thực hiện

Khi cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền cần thông tin, người thực hiện công bố thông tin cung cấp các thông tin thuộc danh mục thông tin phải công bố. Trong trường hợp thắc mắc, yêu cầu của cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền không thuộc danh mục thông tin phải công bố thì người thực hiện công bố thông tin có thể tham khảo ý kiến của cấp lãnh đạo có thẩm quyền, đơn vị tư vấn, cơ quan chức năng và các bộ phận chuyên môn có liên quan khác khi cần thiết để phản hồi kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền.

#### 3. Mô tả chi tiết các quy trình

- a. Quy trình công bố thông tin định kỳ và nhiệm vụ của các cơ quan liên quan

**Quy chế công bố thông tin**

<b>Quy trình</b>	<b>Bộ phận chịu trách nhiệm</b>
<b>Bước 1</b> <b>Thông báo thông tin công bố</b>	Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin: <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Thông báo thông tin phải công bố tới đơn vị/phòng/ban phụ trách trực tiếp và các bên liên quan (nếu có) về nội dung thời hạn thông tin cần công bố;</li> <li>▪ Hiểu rõ các quy định về công bố.</li> </ul>
<b>Bước 2</b> <b>Cung cấp thông tin định kỳ</b>	Đơn vị/phòng/ban phụ trách trực tiếp và các bên liên quan (nếu có); <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Lập và đảm bảo tính đầy đủ, minh bạch, chính xác, kịp thời các tài liệu, báo cáo định kỳ;</li> <li>▪ Trình Tổng giám đốc hoặc Người phụ trách phê duyệt trước khi chuyển cho Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin.</li> </ul>
<b>Bước 3</b> <b>Xem xét nội dung</b>	Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin: <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo định kỳ trước khi tiến hành công bố thông tin;</li> <li>▪ Đảm bảo nội dung các tài liệu, báo cáo đầy đủ, chính xác và kịp thời.</li> </ul>
<b>Bước 4</b> <b>Công bố thông tin</b>	Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin: <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Thực hiện công bố thông tin trên các kênh theo quy định của Quy chế này;</li> <li>▪ Công bố thông tin đúng thời hạn đến các kênh theo quy định của Quy chế này;</li> <li>▪ Đảm bảo các thông tin được công bố được gửi đến hoặc đăng tải trên các kênh công bố thông tin theo quy định của Quy chế này.</li> </ul>
<b>Bước 5</b> <b>Lưu trữ</b>	Bộ phận thực hiện công bố thông tin, Bộ phận văn thư và các bộ phận liên quan khác lưu trữ thông tin công bố đầy đủ, đúng thời hạn quy định.

b. Công bố thông tin bất thường

<b>Quy trình</b>	<b>Bộ phận chịu trách nhiệm</b>
<b>Bước 1</b> <b>Thông báo thông tin bất thường</b>	Đơn vị/phòng/ban/cá nhân, tổ chức có liên quan: <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Liên hệ, trao đổi, thông báo với Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin để biết thông tin phát</li> </ul>

## Quy chế công bố thông tin

Quy trình	Bộ phận chịu trách nhiệm
	sinh có thuộc nội dung thông tin cần công bố tại Chương II của Quy chế; <ul style="list-style-type: none"><li>▪ Đảm bảo thông báo đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin phát sinh để bộ phận/người thực hiện công bố thông tin thực hiện việc công bố thông tin kịp thời theo quy định.</li></ul>
<b>Bước 2</b> <b>Cung cấp thông tin bất thường phải công bố</b>	Đơn vị/phòng/ban phụ trách trực tiếp và các bên liên quan (nếu có); <ul style="list-style-type: none"><li>▪ Lập và đảm bảo tính đầy đủ, minh bạch, chính xác, kịp thời các tài liệu, báo cáo định kỳ;</li><li>▪ Trình Tổng giám đốc hoặc Người phụ trách phê duyệt trước khi chuyển cho Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin.</li></ul>
<b>Bước 3</b> <b>Xem xét nội dung</b>	Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin: <ul style="list-style-type: none"><li>▪ Xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo định kỳ trước khi tiến hành công bố thông tin;</li><li>▪ Đảm bảo nội dung các tài liệu, báo cáo đầy đủ, chính xác và kịp thời.</li></ul>
<b>Bước 4</b> <b>Công bố thông tin</b>	Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin: <ul style="list-style-type: none"><li>▪ Thực hiện công bố thông tin trên các kênh theo quy định của Quy chế này;</li><li>▪ Công bố thông tin đúng thời hạn đến các kênh theo quy định của Quy chế này;</li><li>▪ Đảm bảo các thông tin được công bố được gửi đến hoặc đăng tải trên các kênh công bố thông tin theo quy định của Quy chế này.</li></ul>
<b>Bước 5</b> <b>Lưu trữ</b>	Bộ phận thực hiện công bố thông tin, Bộ phận văn thư và các bộ phận liên quan khác lưu trữ thông tin công bố đầy đủ, đúng thời hạn quy định.

## CHƯƠNG V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### Điều 16. Trách nhiệm của Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin

1. Giám sát việc thực hiện đúng quy trình công bố thông tin.

## ***Quy chế công bố thông tin***

2. Kiểm tra tính chính xác, phù hợp với nội dung thông tin cần công bố, công bố, đối chiếu với các quy trình hiện hành về công bố thông tin và thực hiện công bố thông tin đến các tổ chức, cá nhân cần thiết theo quy định.
3. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về việc thực hiện công bố thông tin.
4. Thực hiện các công việc được giao.

### **Điều 17. Trách nhiệm của Đơn vị/phòng/ban/cá nhân có liên quan**

1. Đảm bảo tuân thủ thực hiện đúng Quy chế công bố thông tin.
2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của bộ phận công bố thông tin.
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của thông tin cung cấp cho Bộ phận công bố thông tin.

### **Điều 18. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế Công bố thông tin này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/12/2023
2. Trưởng bộ phận công bố thông tin, Người được ủy quyền công bố thông tin và các đơn vị/phòng/ban liên quan, các đối tượng liên quan tổ chức thực hiện Quy chế này.

**TM. HĐQT**

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**LƯU ĐÌNH TUẤN**

**PHỤ LỤC 01. DANH MỤC BIỂU MẪU CHUNG**  
**(THEO THÔNG TƯ 96/2020/TT-BTC, ĐƯỢC SỬ DỤNG CHO CBTT TẠI UBCKNN VÀ**  
**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN)**

<b>Mẫu biểu</b>	<b>Diễn giải</b>
Phụ lục I	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin dành cho tổ chức có nghĩa vụ công bố thông tin.
Phụ lục II	Giấy ủy quyền công bố thông tin dành cho nhà đầu tư cá nhân có nghĩa vụ công bố thông tin.
Phụ lục III	Bản cung cấp thông tin của người nội bộ.
Phụ lục IV	Báo cáo thường niên.
Phụ lục V	Báo cáo tình hình quản trị công ty.
Phụ lục VI	Báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp.
Phụ lục VII	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn.
Phụ lục VIII	Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn.
Phụ lục IX	Báo cáo về sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ 5% trở lên cổ phiếu.
Phụ lục X	Báo cáo thay đổi về sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ 5% trở lên cổ phiếu.
Phụ lục XI	Thông báo giao dịch cổ phiếu của cổ đông sáng lập.
Phụ lục XII	Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của cổ đông sáng lập.
Phụ lục XIII	Thông báo giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.
Phụ lục XIV	Thông báo giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan.
Phụ lục XV	Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan.
Phụ lục XVI	Báo cáo kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu/trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ, và người có liên quan.

80  
Y  
N  
911  
TÀI

## PHỤ LỤC 2. DANH MỤC MẪU BIỂU CÔNG BỐ THÔNG TIN TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

(Ban hành theo quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016 của Sở Giao dịch chứng  
khoán TP. Hồ Chí Minh)

Mẫu biểu	Diễn giải
CBTT/SGDHCM-01	Đăng ký thông tin liên hệ của tổ chức
CBTT/SGDHCM-02	Công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và SGDCK TP.HCM
CBTT/SGDHCM-03	Bản cung cấp thông tin về quản trị công ty
CBTT/SGDHCM-04	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ
CBTT/SGDHCM-05	Danh sách người nội bộ và người có liên quan
CBTT/SGDHCM-06	Thay đổi người có liên quan của người nội bộ
CBTT/SGDHCM-07	Đăng ký mô hình công ty và loại Báo cáo tài chính
CBTT/SGDHCM-08	Công bố thông tin thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành
CBTT/SGDHCM-09	Tóm tắt số cổ đông của công ty tại ngày _đề_
CBTT/SGDHCM-10	Tóm tắt danh sách nhà đầu tư của quỹ/Công ty ĐTCK_ tại ngày _đề_